

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

MỤC LỤC	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301114000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 08 năm 2010. Thay đổi lần thứ 4, ngày cấp 10 tháng 09 năm 2015.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ đô thị và Quản lý nhà quận 10 theo Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ: 53.856.000.000 đồng

Vốn thực góp: 53.856.395.109 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 466, Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3957 4731

Fax: 028 3957 4745

Mã số thuế: 0301114000

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Hội đồng thành viên:

Chức vụ

Ông Tạ Bằng

Chủ tịch

Ông Nguyễn Văn Thảo

Thành viên

Ông Huỳnh Hữu Huy

Thành viên

Ban kiểm soát

Chức vụ

Ông Tống Văn Quảng

Kiểm soát viên (đến ngày 16/7/2020)

Bà Đặng Thị Mộng Tuyền

Kiểm soát viên (từ ngày 17/7/2020)

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:

Chức vụ

Ông Nguyễn Văn Thảo

Giám đốc

Ông Trần Văn Tuấn

Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Thông

Phó Giám đốc

Bà Lâm Thị Tuyết Nhung

Kế toán trưởng

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình đô thị, công trình công cộng; quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước, thực hiện mua bán nhà; đầu tư khai thác bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thu gom và xử lý rác thải; cho thuê thiết bị vận tải; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ngày 07/5/2019 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 1738/QĐ-UBND về quy định phân công thực hiện Quy trình chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần. Công ty đang tiến hành các thủ tục theo quy định.

Trừ vấn đề nêu trên, không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Thảo
Giám đốc





"Mang đến niềm tin"

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG

01 Núi Thành, P. 13, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3813 2259 – Fax: (028) 3813 2258

Homepage: www.pacificaudit.com.vn

E-mail: pacificaudit@gmail.com

Số ...11.../2021/BCKiTTC-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10, được lập ngày 26 tháng 01 năm 2021, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Các vấn đề khác

Công ty đang tạm trích quỹ tiền lương năm 2020 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông báo số 3449/TB-UBND ngày 24/8/2020 của UBND Quận 10 về kế hoạch lao động, quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10. Hiện Công ty đang chờ quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2020.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2021

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thành Đức

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2018-196-1

A blue handwritten signature of Trần Minh Bảo.

Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2020-196-1



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2020	TẠI NGÀY 01/01/2020
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.784.520.952	97.290.262.851
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17.248.895.211	70.985.129.119
1. Tiền	111	V.01	14.248.895.211	6.179.847.322
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	64.805.281.797
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		54.100.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	54.100.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.946.264.120	25.761.703.197
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	24.384.706.440	22.038.093.219
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	710.000.000	710.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.851.557.680	3.013.609.978
IV. Hàng tồn kho	140		2.365.791.803	338.336.066
1. Hàng tồn kho	141	V.06	2.365.791.803	338.336.066
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		123.569.818	205.094.469
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	123.569.818	205.094.469
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		104.419.861.043	106.095.438.766
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		37.618.107.694	37.334.367.170
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	37.618.107.694	37.334.367.170
Nguyên giá	222		68.516.870.738	69.689.039.058
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.898.763.044)	(32.354.671.888)
III. Bất động sản đầu tư	230		65.966.138.246	68.308.510.418
Nguyên giá	231	V.09	89.695.760.477	92.499.370.163
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(23.729.622.231)	(24.190.859.745)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		835.615.103	452.561.178
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	835.615.103	452.561.178
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		205.204.381.995	203.385.701.617

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2020	TẠI NGÀY 01/01/2020
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		80.996.005.796	77.243.489.360
I. Nợ ngắn hạn	310		46.843.838.716	50.175.439.875
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	1.466.438.490	617.870.679
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	2.641.461.380	286.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	3.721.926.408	6.334.234.523
4. Phải trả người lao động	314	V.13	15.245.214.385	10.758.006.226
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	346.850.251	217.517.280
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	15.975.525.272	24.015.673.801
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	7.446.422.530	7.946.137.366
II. Nợ dài hạn	330		34.152.167.080	27.068.049.485
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16	17.079.959.798	11.522.639.774
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	15.392.807.369	14.199.207.369
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.18	1.679.399.913	1.346.202.342
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		124.208.376.199	126.142.212.257
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	58.571.967.709	58.634.500.276
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		53.856.395.109	53.856.395.109
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.715.572.600	4.715.572.600
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	62.532.567
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	62.532.567
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.20	65.636.408.490	67.507.711.981
1. Nguồn kinh phí	431		258.313.456	291.899.566
2. Nguồn kinh phí đã hình thành	432		65.378.095.034	67.215.812.415
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		205.204.381.995	203.385.701.617

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021



Phạm Ngọc Thu
Người lập biểu



Lâm Thị Tuyết Nhung
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Văn Thảo
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	97.067.074.733	94.871.113.460
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		97.067.074.733	94.871.113.460
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	81.132.360.392	82.570.224.661
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.934.714.341	12.300.888.799
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	3.210.803.655	3.804.615.039
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.04	11.715.284.961	10.644.104.883
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.430.233.035	5.461.398.955
11. Thu nhập khác	31	VI.05	903.512.913	2.161.087.963
12. Chi phí khác	32	VI.06	26.985.980	-
13. Lợi nhuận khác	40		876.526.933	2.161.087.963
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.306.759.968	7.622.486.918
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	2.309.614.622	1.799.124.521
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.997.145.346	5.823.362.397

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021

Phạm Ngọc Thu
Người lập biểu

Lâm Thị Tuyết Nhung
Kế Toán Trưởng

Nguyễn Văn Thảo
Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		141.193.776.338	127.470.985.857
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(12.222.140.189)	(12.384.637.474)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(34.021.373.173)	(33.597.659.180)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.835.686.047)	(1.736.851.007)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		21.338.580.972	34.553.517.886
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(167.205.544.021)	(107.759.018.067)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(52.752.386.120)	6.546.338.015
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.710.000.000)	(2.500.288.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.726.152.212	2.984.014.549
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(983.847.788)	483.726.549
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(53.736.233.908)	7.030.064.564



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		70.985.129.119	63.955.064.555
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		17.248.895.211	70.985.129.119

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021



Phạm Ngọc Thu
Người lập biểu



Lâm Thị Tuyết Nhung
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thảo
Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301114000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 08 năm 2010. Thay đổi lần thứ 4, ngày cấp 10 tháng 09 năm 2015.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ đô thị và Quản lý nhà quận 10 theo Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước chủ sở hữu

- Vốn điều lệ: 53.856.000.000 VND

- Vốn thực góp: 53.856.395.109 VND

Trụ sở đặt tại: Số 466, Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công ích, xây dựng,...

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình đô thị, công trình công cộng; quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước, thực hiện mua bán nhà; đầu tư khai thác bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thu gom và xử lý rác thải; cho thuê thiết bị vận tải; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Nhập trước xuất trước

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt tại quỹ	33.118.311	2.376.675
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	33.118.311	2.376.675
Tiền gửi ngân hàng VND	14.215.776.900	6.177.470.647
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN10	13.052.329.882	4.727.471.283
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN10 (B Nguyễn Kim)	895.285.590	797.152.343
Ngân hàng TMCP Đông Á	500.374	2.820.521
Ngân hàng TMCP Rông Việt	7.881.866	7.866.128
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	252.973.833	641.017.917
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	147.652	361.592
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà HCM	6.657.703	780.863
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	64.805.281.797
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-Chi nhánh 10	3.000.000.000	49.735.897.286
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà HCM	-	15.069.384.511
Tổng cộng	17.248.895.211	70.985.129.119

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2020	01/01/2020
- Tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-Chi nhánh 10	36.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà HCM	18.100.000.000	-
Tổng cộng	54.100.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. Phải thu khách hàng		31/12/2020	01/01/2020	
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>				
- Phải thu tiền thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước		17.079.959.798	11.522.639.774	
- Phải thu các dịch vụ thu gom rác		599.109.600	425.888.000	
- Phải thu Phòng tài chính kế hoạch Quận 10		-	2.332.939.758	
- BQL Đầu Tư Xây Dựng Công Trình Quận 10		4.806.072.528	2.860.716.625	
- Phòng tài chính Quận 10 (công trình ngoài ngân sách)		-	2.742.106.014	
- Phải thu tiền bán nhà đường cao thẳng		378.540.000	1.737.370.000	
- Phải thu Phòng tài nguyên Môi trường Quận 10		727.730.767	-	
- Phải thu Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn		443.491.100	-	
- Các khách hàng khác		349.802.647	416.433.048	
Tổng cộng		24.384.706.440	22.038.093.219	
4. Trả trước cho người bán		31/12/2020	01/01/2020	
- Trả trước tiền Nguyễn Tấn Thuận (các công trình)		600.000.000	600.000.000	
- Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC		55.000.000	55.000.000	
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam		55.000.000	55.000.000	
Tổng cộng		710.000.000	710.000.000	
5. Các khoản phải thu khác		31/12/2020	01/01/2020	
<i>Ngắn hạn</i>				
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	485.544.695	-	821.039.781	-
Các khoản tạm ứng nhân viên	31.000.000	-	116.000.000	-
Phải thu thuế TNCN	71.515.899	-	214.074.790	-
Phải khấu hao TSCĐ chung cư Lê Thị Riêng	135.909.961	-	159.949.537	-
Phải thu về cổ phần hóa	545.184.404	-	545.184.404	-
Phải thu Bảo lãnh ngân hàng	6.495.796	-	24.685.144	-
Phải thu nhà vệ sinh	59.600.843	-	67.926.399	-
Phải thu công viên Z756	499.608.441	-	737.767.530	-
Phải thu theo KiT Nhà nước	-	-	315.178.066	-
Khác	16.697.641	-	11.804.327	-
Tổng cộng	1.851.557.680	-	3.013.609.978	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6. Hàng tồn kho	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	373.824.144	-	338.336.066	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.991.967.659	-	-	-
Tổng cộng	2.365.791.803	-	338.336.066	-

7. Chi phí trả trước	Giảm	31/12/2020
a Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Chi phí đồng phục cho nhân viên năm 2020	123.569.818	113.689.000
- Các khoản chi trả khác	-	91.405.469
Tổng cộng	123.569.818	205.094.469
b Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ	835.615.103	452.561.178
Số dư cuối năm	835.615.103	452.561.178

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2020	30.099.128.365	37.504.298.409	2.085.612.284	69.689.039.058
- Mua trong năm		3.710.000.000		3.710.000.000
- Giảm khác		(4.882.168.320)		(4.882.168.320)
Số dư ngày 31/12/2020	30.099.128.365	36.332.130.089	2.085.612.284	68.516.870.738
Khấu hao lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2020	11.463.879.645	19.483.541.435	1.407.250.808	32.354.671.888
- Khấu hao trong năm	1.081.530.308	2.197.040.606	147.688.562	3.426.259.476
- Giảm khác		(4.882.168.320)		(4.882.168.320)
Số dư ngày 31/12/2020	12.545.409.953	16.798.413.721	1.554.939.370	30.898.763.044
Giá trị còn lại				
Số dư ngày 01/01/2020	18.635.248.720	18.020.756.974	678.361.476	37.334.367.170
Số dư ngày 31/12/2020	17.553.718.412	19.533.716.368	530.672.914	37.618.107.694
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng bao gồm:				
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.855.415.550			
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	11.270.057.361			
Dụng cụ quản lý	1.379.343.642			
Tổng cộng	15.504.816.553			

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

9. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

Nguyên giá	Nhà sản xuất, kinh doanh	Chung cư và nhà SHNN	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2020	6.055.856.936	86.443.513.227	92.499.370.163
Tăng (ký hợp đồng thuê mới trong năm)		876.390.340	876.390.340
Giảm (bán trong năm,...)		(3.680.000.026)	(3.680.000.026)
Số dư ngày 31/12/2020	6.055.856.936	83.639.903.541	89.695.760.477
Khấu hao lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2020	4.963.158.933	19.227.700.812	24.190.859.745
Khấu hao trong năm	504.654.791		504.654.791
Giảm (bán trong năm,...)		(965.892.305)	(965.892.305)
Số dư ngày 31/12/2020	5.467.813.724	18.261.808.507	23.729.622.231
Giá trị còn lại			
Số dư ngày 01/01/2020	1.092.698.003	67.215.812.415	68.308.510.418
Số dư ngày 31/12/2020	588.043.212	65.378.095.034	65.966.138.246

Bất động sản tăng trong năm do ký hợp đồng thuê mới ; giảm trong năm do bán theo quy định.



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

10. Phải trả người bán	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Phải trả cho đội thi công Ngô Tấn Đức	-	-	160.181.331	160.181.331
- Phải trả cho đội thi công Nguyễn Tấn Thuận	1.399.984.017	1.399.984.017	440.605.919	440.605.919
- Phải trả cho đội thi công Nguyễn Thanh Việt	58.054.473	58.054.473	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	8.400.000	8.400.000	17.083.429	17.083.429
Tổng cộng	1.466.438.490	1.466.438.490	617.870.679	617.870.679

11. Người mua trả tiền trước	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Người mua trả tiền trước thuộc dự án công trình Cao Thắng	210.000.000	210.000.000	210.000.000	210.000.000
- Người mua trả trước thuộc dự án Phố đi bộ đêm	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
- Ông Tạ Công Tân	-	-	67.000.000	67.000.000
- Thuế GTGT của hoạt động chăm sóc cây xanh	226.904.935	226.904.935	-	-
- Người mua trả tiền trước kinh phí XD NVS công cộng & KD hoa kiểng	196.556.445	196.556.445	-	-
- Khách hàng khác	8.000.000	8.000.000	9.000.000	9.000.000
Tổng cộng	2.641.461.380	2.641.461.380	286.000.000	286.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

12. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
Thuế GTGT	1.076.251.801	10.793.026.026	10.774.934.377	1.094.343.450
Thuế TNDN (*)	731.363.163	3.324.817.783	1.835.686.047	2.220.494.899
Thuế TNCN	270.383.092	268.716.614	452.938.004	86.161.702
Tiền thuê đất	-	3.228.149.857	3.228.149.857	-
Thuế nhà đất		122.958.191	122.958.191	-
Các loại thuế khác		4.000.000	4.000.000	-
Nộp trả ngân sách Quận	226.284.976	-	-	226.284.976
Các khoản phải nộp khác (tiền nhà SHNN)	4.029.951.491	6.194.641.381	10.129.951.491	94.641.381
Tổng cộng	6.334.234.523	23.936.309.852	26.548.617.967	3.721.926.408

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

13. Phải trả công nhân viên

	31/12/2020	01/01/2020
- Lương công nhân viên	14.127.832.864	9.763.683.926
- Lương viên chức quản lý	1.117.381.521	994.322.300
Tổng cộng	15.245.214.385	10.758.006.226

14. Chi phí phải trả**Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí phải trả thực hiện các dịch vụ công ích bên ngoài	346.850.251	217.517.280
Tổng cộng	346.850.251	217.517.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

15. Phải trả khác**a. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020	01/01/2020
- Kinh phí công đoàn	-	91.357.212
- Lô D Ngô Gia Tự và Lô S Nguyễn Kim	329.617.225	335.648.566
- Thu tiền thuê nhà lô R c/c Nguyễn Kim	1.885.877	5.018.192
- Thu tiền bán nhà c/c C9	-	19.538.343
- Thu tiền thuê nhà c/c Trần Văn Kiêu	2.103.383	8.894.552
- Thu tiền bán nhà Cao ốc A Ngô Gia Tự	205.228.176	326.820.719
- Thu tiền thuê nhà Cao ốc A Ngô Gia Tự	-	5.078.668
- Thu tiền bán nhà Cao ốc A Nguyễn Kim	66.322.415	18.082.894
- Thu tiền thuê nhà Cao ốc A Nguyễn Kim	5.332.064	24.022.944
- Thu tiền bán nhà Cao ốc B Ngô Gia Tự	2.169.533.635	1.957.713.212
- Thu tiền thuê nhà Cao ốc B Ngô Gia Tự	2.142.697	5.129.927
- Thu tiền nhà ở TĐC B29-C30	88.351.370	16.646.480.941
- Phí sửa chữa - Bán nhà 397A & J8	33.821.964	33.821.964
- Tiền thuê nhà Cao ốc B Nguyễn Kim	9.578.581	3.922.226
- Phí sửa chữa - Bán nhà Cao ốc A Ngô Gia Tự	4.866.122	8.547.097
- Phí sửa chữa - Bán nhà Cao ốc A Nguyễn Kim	2.199.123	1.066.157
- Phí sửa chữa - Bán nhà Cao ốc B Ngô Gia Tự	461.171.779	114.268.820
- Phí sửa chữa - Bán nhà Cao ốc B Nguyễn Kim	895.481.071	797.232.388
- Tiền thuê nhà 7 căn thuộc 31 căn Quận đầu tư	-	3.639.720
- Tiền thuê trệt lững Cao ốc A Ngô Gia Tự	436.734.829	412.029.590
- Tiền thuê trệt lững Cao ốc B Ngô Gia Tự	5.571.662.827	806.331.789
- Phải trả tiền Mặt bằng Quận giao (Đất)	1.992.496.059	1.761.259.451
- Phải trả tiền Mặt bằng Quận giao (Nhà)	386.590.911	353.737.277
- Phí giữ lại 5% của gói thầu duy tu thoát nước	1.584.784.204	276.031.152
- Phải trả chi phí di dời tái định cư	56.835.659	-
- Phải trả khác - Phí quản lý bán, thuê nhà các C/cư, cao ốc	1.556.933.089	-
- Phải trả chi phí tiền cơm bổ sung cho nhân viên	111.852.212	-
Tổng cộng	15.975.525.272	24.015.673.801

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

b. Phải trả dài hạn khác		31/12/2020	01/01/2020	
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)		15.392.807.369	14.199.207.369	
Tổng cộng		15.392.807.369	14.199.207.369	
(*) Là khoản tiền đặt cọc thuê nhà theo các hợp đồng và các khoản tiền đặt cọc thuê các gian hàng Cao ốc như Nguyễn Kim, Ngô Gia Tự, ...				
- Đặt cọc thuê mặt bằng cao ốc a Ngô Gia Tự với Công ty CP BĐS Dân Xuân		500.000.000	500.000.000	
- Đặt cọc thuê mặt bằng cao ốc B Ngô Gia Tự với Công ty CP DT pt Sài Gòn COOP		500.000.000	500.000.000	
- Đặt cọc thuê gian hàng tại TTKD ĐM-ĐT Nhật Tảo với các tiểu thương		8.810.000.000	8.810.000.000	
- Đặt cọc thuê gian hàng tại Phố đi bộ đêm với các tiểu thương		980.000.000		
- Đặt cọc thuê gian hàng tại Kios Phường 6 với các tiểu thương		860.000.000	860.000.000	
- Đặt cọc thuê tầng lửng cao ốc a Ngô Gia Tự với Cty BĐS Phạm Tùng		420.000.000	420.000.000	
- Đặt cọc thuê mặt bằng B5-C30 Thành Thái với Cty TNHH ĐT BĐS Bình An		126.000.000	126.000.000	
- Đặt cọc thuê mặt bằng B31-31.1 khu C30 với Công ty CP Kasati		600.000.000	600.000.000	
- Đặt cọc thuê mặt bằng Lô G C/cư Ngô Gia Tự với Cty TNHH TM-DV Minh Nguyễn Phát		300.000.000	300.000.000	
- Đặt cọc thuê mặt bằng Lô A C/cư Ngô Gia Tự với Cty TNHH MTV Trương Đăng Phúc		100.000.000	100.000.000	
- Đặt cọc thuê mặt bằng tại Công viên Z756 với Cty CP Viva International		1.000.000.000	1.000.000.000	
- Đặt cọc thuê mặt bằng 58/10 Thành Thái với Cty BĐS Phạm Tùng		165.000.000	-	
- Đặt cọc thuê mặt bằng 206 Lý Thường Kiệt với Cty CP Viva International		120.000.000	-	
- Các khoản Đặt cọc và ký quỹ thực hiện các hợp đồng khác.		911.807.369	983.207.369	
16. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		31/12/2020	01/01/2020	
- Các khoản công nợ tiền thuê nhà thuộc SHNN		17.079.959.798	11.522.639.774	
Tổng cộng		17.079.959.798	11.522.639.774	
17. Quỹ khen thưởng phúc lợi	01/01/2020	Tăng	Giảm	31/12/2020
Quỹ KTPL của nhân viên	7.376.749.132	5.771.327.098	6.445.592.749	6.702.483.481
Quỹ KTPL của Ban điều hành	569.388.234	335.550.815	161.000.000	743.939.049
- Số dư cuối năm	7.946.137.366	6.106.877.913	6.606.592.749	7.446.422.530
18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		31/12/2020	01/01/2020	
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.679.399.913	1.346.202.342	
Tổng cộng		1.679.399.913	1.346.202.342	

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư (01/01/2019)	53.856.395.109	4.715.572.600	-	58.571.967.709
Lãi trong năm trước			5.823.362.397	5.823.362.397
Trích lập các quỹ			(5.760.829.830)	(5.760.829.830)
Số dư (01/01/2020)	53.856.395.109	4.715.572.600	62.532.567	58.634.500.276
Tăng vốn năm nay				-
Giảm trong năm				-
Lãi trong năm			5.997.145.346	5.997.145.346
Trích lập các quỹ			(6.059.677.913)	(6.059.677.913)
Số dư (31/12/2020)	53.856.395.109	4.715.572.600	-	58.571.967.709



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2020	01/01/2020
Vốn góp của nhà nước	53.856.395.109	53.856.395.109
- Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	53.856.395.109	53.856.395.109
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	53.856.395.109	53.856.395.109
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	53.856.395.109	53.856.395.109
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
d. Quỹ đầu tư phát triển	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	4.715.572.600	4.715.572.600
- Số dư cuối năm	4.715.572.600	4.715.572.600
20. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
a. Nguồn kinh phí	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	291.899.566	329.475.037
Tăng trong năm	121.957.527	14.808.702.005
-Thu ngân sách các tiền nhà thuộc sở hữu của Nhà nước	-	13.908.835.705
-Thu hộ dân tiền vận hành chung cư	155.720.237	899.866.300
-Điều chỉnh thu trong năm	(33.762.710)	-
Giảm trong năm	155.543.637	14.846.277.476
- Chi hoạt động sự nghiệp tiền nhà thuộc sở hữu của Nhà nước	-	13.908.835.705
-Chi hộ dân tiền vận hành chung cư	155.543.637	937.441.771
- Số dư cuối năm	258.313.456	291.899.566
b. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	67.215.812.415	67.889.316.793
Tăng trong năm	876.390.340	893.194.777
Giảm trong năm	2.714.107.721	1.566.699.155
- Số dư cuối năm	65.378.095.034	67.215.812.415

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm nay	Năm trước
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.067.074.733	94.871.113.460
- Doanh thu dịch vụ công ích (nguồn ngân sách)	45.411.668.562	37.812.946.736
Trong đó: <i>Doanh thu kế hoạch chính - Cây xanh</i>	<i>2.220.581.130</i>	<i>2.408.851.381</i>
<i>Doanh thu kế hoạch chính - Thoát nước</i>	<i>13.385.153.878</i>	<i>13.650.298.937</i>
<i>Doanh thu kế hoạch chính - Vệ sinh</i>	<i>21.608.144.099</i>	<i>13.833.466.524</i>
<i>Doanh thu kế hoạch chính - Vận chuyển</i>	<i>8.197.789.455</i>	<i>7.920.329.894</i>
- Doanh thu - Thu tiền thuê nhà SH NN	11.742.632.503	13.908.835.705
- Doanh thu dịch vụ công ích (ngoài ngân sách)	16.845.157.611	15.789.966.213
- Doanh thu TTĐM Nhật Tảo, Kios Phường 6, Phố đi bộ	10.947.585.425	10.544.317.419
- Doanh thu Hoạt động khác - Mặt bằng công ty quản lý	1.743.090.909	2.297.818.175
- Doanh thu BQL VH chung cư	7.820.817.826	5.129.817.031
- Doanh thu Hoạt động khác - Công trình xây dựng	1.587.340.041	5.977.026.428
- Doanh thu nền đất đường Cao Thắng	-	2.540.757.091
- Doanh thu khác	10.909.091	74.545.455
- Doanh thu cao ốc B Nguyễn Kim, nhà vệ sinh Z756	957.872.765	795.083.207
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.067.074.733	94.871.113.460
02. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ công ích (nguồn ngân sách)	39.500.886.656	33.970.918.572
Giá vốn - Thu tiền thuê nhà SHNN	11.742.632.503	13.908.835.705
Giá vốn dịch vụ công ích (ngoài ngân sách)	10.408.419.523	13.083.643.891
Giá vốn TTĐM Nhật Tảo, Kios Phường 6, Phố đi bộ	8.722.261.672	8.175.071.308
Giá vốn Hoạt động khác - Mặt bằng công ty quản lý	1.053.062.128	1.723.012.254
Giá vốn BQL VH chung cư	7.224.007.126	5.283.848.878
Giá vốn Hoạt động khác - Công trình xây dựng	1.523.218.019	6.008.895.171
Giá vốn cao ốc B Nguyễn Kim, nhà vệ sinh Z756	957.872.765	795.083.207
Giá vốn điều chỉnh theo Kiểm toán nhà nước	-	(379.084.325)
Tổng cộng	81.132.360.392	82.570.224.661
03. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.210.803.655	3.804.615.039
Tổng cộng	3.210.803.655	3.804.615.039

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Năm nay	Năm trước
04. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	5.750.703.828	6.033.354.219
Chi phí vật liệu quản lý	-	120.334.931
Chi phí đồ dùng văn phòng	415.046.496	461.074.556
Chi phí khấu hao tài sản cố định	509.171.195	380.652.476
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.478.629.391	2.057.562.359
Chi phí bằng tiền khác	1.557.734.051	1.587.126.342
Tổng cộng	11.715.284.961	10.644.104.883
05. Thu nhập khác		
Các khoản phải trả khác phí quản lý không chi trả	-	1.218.774.741
Các khoản phải trả khác Kios không chi trả	-	431.633.291
Thu hoàn nhập quỹ KHCN năm 2015	307.871.326	-
Thu nhập khác	595.641.587	44.381.289
Điều chỉnh theo Kiểm toán nhà nước	-	466.298.642
Tổng cộng	903.512.913	2.161.087.963
06. Chi phí khác		
Các khoản chậm nộp thuế	20.212.811	-
Chi phí khác	6.773.169	-
Tổng cộng	26.985.980	-
07. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.306.759.968	7.622.486.918
Cộng các khoản chi phí không được trừ	7.706.689.530	-
+ Chi phí thu gom rác dân lập chi cho người lao động	7.679.703.550	-
+ Các khoản chi phí không được trừ	26.985.980	-
Các khoản điều chỉnh tăng tính thuế	-	1.373.135.685
Thu nhập tính thuế	16.013.449.498	8.995.622.603
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.202.689.900	-
Chi phí thuế TNDN miễn giảm (30%)	960.806.970	-
Chi phí thuế TNDN do hoàn nhập quỹ KHCN năm 2015	67.731.692	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.309.614.622	1.799.124.521

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

08. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	8.492.469.676	12.117.592.332
Chi phí nhân công;	33.959.338.994	31.407.009.073
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	3.930.914.267	3.557.432.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	24.977.652.493	20.343.770.777
Chi phí khác bằng tiền.	21.514.255.903	25.788.525.012
Tổng cộng	92.874.631.333	93.214.329.544

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.248.895.211		70.985.129.119	
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	26.236.264.120		25.051.703.197	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	54.100.000.000	-	-	-
Tổng cộng	97.585.159.331	-	96.036.832.316	-

Công nợ tài chính

	31/12/2020	01/01/2020
Phải trả người bán, phải trả khác	32.834.771.131	38.832.751.849
Chi phí phải trả	346.850.251	217.517.280
Tổng cộng	33.181.621.382	39.050.269.129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

(i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của Công ty là không có vì Công ty không sử dụng tiền bằng ngoại tệ.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty có các rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Do vậy, Công ty chỉ chịu rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu / phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý. Tuy nhiên, Công ty đánh giá rủi ro về lãi suất của là không đáng kể.

(iii) Quản lý rủi ro về giá khác (Rủi ro về giá cổ phiếu)

Công ty không có rủi ro về giá (rủi ro cổ phiếu)

b. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và công cụ tài chính khác).

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thoả thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.248.895.211		17.248.895.211
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	26.236.264.120	-	26.236.264.120
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	54.100.000.000		54.100.000.000
Tổng cộng	97.585.159.331	-	97.585.159.331
Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	17.441.963.762	15.392.807.369	32.834.771.131
Chi phí phải trả	346.850.251		346.850.251
Tổng cộng	17.788.814.013	15.392.807.369	33.181.621.382
Chênh lệch thanh khoản thuần	79.796.345.318	-15.392.807.369	64.403.537.949

109578759-0
CÔNG TY
TNHH
KIỂM TOÁN
HẢI BÌNH DƯƠNG
PHỐ HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.985.129.119		70.985.129.119
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	25.051.703.197	-	25.051.703.197
Tổng cộng	96.036.832.316	-	96.036.832.316
Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	24.633.544.480	14.199.207.369	38.832.751.849
Chi phí phải trả	217.517.280		217.517.280
Tổng cộng	24.851.061.760	14.199.207.369	39.050.269.129
Chênh lệch thanh khoản thuần	71.185.770.556	-14.199.207.369	56.986.563.187

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu được từ các tài sản tài chính đáo hạn.

2. Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm được điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Cơ quan Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV các khoản điều chỉnh cụ thể như sau:

	Số dư theo TB KQKT BCTC 2019 của Kiểm toán Nhà nước KV IV	Số dư theo BCTC tại ngày 31/12/2019	Chênh lệch
Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán			
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	22.038.093.219	21.026.502.680	1.011.590.539
- Phải thu ngắn hạn khác	3.013.609.978	2.698.839.086	314.770.892
- Chi phí trả trước ngắn hạn	205.094.469	113.689.000	91.405.469
- Tài sản cố định hữu hình	37.334.367.170	37.745.200.528	(410.833.358)
<i>Nguyên giá</i>	<i>69.689.039.058</i>	<i>69.086.220.416</i>	<i>602.818.642</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(32.354.671.888)</i>	<i>(32.341.019.888)</i>	<i>(13.652.000)</i>
- Chi phí trả trước dài hạn	452.561.178	-	452.561.178
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.334.234.523	5.944.546.600	389.687.923
- Phải trả người lao động	10.758.006.226	17.708.459.901	(6.950.453.675)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.946.137.366	-	7.946.137.366
- Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	11.522.639.774	10.511.049.235	1.011.590.539
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	62.532.567	-	62.532.567

Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Giá vốn hàng bán	82.570.224.661	82.949.308.986	(379.084.325)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.644.104.883	10.220.171.547	423.933.336
- Thu nhập khác	2.161.087.963	1.694.789.321	466.298.642
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.799.124.521	1.440.207.457	358.917.064
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.823.362.397	5.760.829.830	62.532.567

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan là các viên chức quản lý

Ông Tạ Bằng

Ông Huỳnh Hữu Huy

Ông Tống Văn Quảng

Bà Đặng Thị Mộng Tuyền

Ông Nguyễn Văn Thảo

Ông Trần Văn Tuấn

Ông Nguyễn Minh Thông

Bà Lâm Thị Tuyết Nhung

Mối quan hệ

Chủ tịch

Thành viên

Kiểm soát viên (đến ngày 16/7/2020)

Kiểm soát viên (từ ngày 17/7/2020)

Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Tổng quỹ lương thực hiện viên chức quản lý trong năm: 2.636.406.521 đồng

Tổng lương viên chức quản lý đã nhận trong năm: 1.519.200.000 đồng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ngày 07/5/2019 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 1738/QĐ-UBND về quy định phân công thực hiện Quy trình chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần. Công ty đang tiến hành các thủ tục theo quy định.

Trừ vấn đề nêu trên, không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021



Phạm Ngọc Thu
Người lập biểu



Lâm Thị Tuyết Nhung
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thảo
Giám đốc

